

Bản án số: 08/2025/KDTM-PT

Ngày: 09/1/2025

V/v: Yêu cầu thanh toán tiền lãi trong
hợp đồng thi công xây dựng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Tuyết Mai

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phương Thủy

Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/1/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 198/2024/TLPT-KDTM ngày 17/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 49/2024/KDTM-ST ngày 09 + 12/7/2024 của Tòa án nhân dân quận NTL, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 793/2024/QĐ-PT ngày 29/11/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 853/2024/QĐ-HPT ngày 25/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần DV;

Địa chỉ : 3xx A, phường B, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Ông PCP - Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông NTD, ông LTAK.

(Ông D, ông K có mặt)

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Tập đoàn S (Nay là Công ty Cổ phần phát triển Tập đoàn S);

Địa chỉ : Tầng 9 C, số 16 D, phường E 2, quận NTL, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông ĐVT - Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông NVK, Ông PDL, bà TTH (Ông K có mặt, ông L và bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 26/11/2018, Công ty Cổ phần DV (nguyên đơn) có ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 185/2018/HĐ/SG-DV (“Hợp đồng 185”) với Công ty

Cổ phần Tập đoàn S (“Bị đơn”) đề: “Nguyên đơn thực hiện việc Cung cấp và lắp đặt Gói thầu M&E cho Dự án Nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại tại Lô I.A.2x, Khu đô thị N, phường Đ và X, quận BTL, Tp Hà Nội (“Dự án S”) theo đúng bản vẽ thiết kế và yêu cầu kỹ thuật được Bị đơn phê duyệt”. Tổng giá trị Hợp đồng 185 tại thời điểm ký kết là 626.000.000.000 đồng (Bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình thực hiện Hợp đồng 185, do yêu cầu về điều chỉnh, tăng giảm số lượng thiết bị, vật tư và khối lượng công việc cho Dự án S, nên hai bên đã thống nhất ký các Phụ lục để điều chỉnh giá của Hợp đồng 185, với tổng giá trị hợp đồng sau khi điều chỉnh là 657.921.295.877 đồng (Bao gồm thuế GTGT).

Sau khi Hợp đồng 185 được ký kết, Nguyên đơn đã thực hiện việc cung cấp, thi công lắp đặt các thiết bị, vật tư của Gói thầu M&E vào Dự án S. Đến ngày 08/10/2020, giữa Nguyên đơn với Bị đơn và các đơn vị liên quan đã tiến hành kiểm tra và ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để bàn giao đưa vào sử dụng của Gói thầu M&E được Nguyên đơn thực hiện và hoàn thành theo Hợp đồng 185. Từ khi được nghiệm thu cho đến nay, Bị đơn đã đưa toàn bộ các hạng mục công trình của Gói thầu M&E do Nguyên đơn thực hiện tại Dự án S vào khai thác, sử dụng trên thực tế.

Sau khi toàn bộ hạng mục công trình của Gói thầu M&E được Nguyên đơn hoàn thành và các bên ký nghiệm thu để đưa vào khai thác, sử dụng, Nguyên đơn đã đệ trình Hồ sơ quyết toán A-B (file của Hợp đồng 185 đến Bị đơn và đã được Bị đơn phê duyệt - kể từ 20/12/2021, có giá trị là: 657.891.198.937 đồng.

Theo khoản 7.4, khoản 7.5 Điều 7 Hợp đồng 185 quy định:

- Bị đơn có trách nhiệm thanh toán đến 70% giá trị vật tư, thiết bị trong vòng 10 (Mười) ngày làm việc kể từ khi Bị đơn nghiệm thu thiết /vật tư tại chân công trình;
- Bị đơn có trách nhiệm thanh toán đến 90% giá trị khối lượng lắp đặt trong vòng 10 (Mười) ngày làm việc kể từ ngày công việc được Bị đơn chấp thuận nghiệm thu;
- Bị đơn có trách nhiệm thanh toán đến 95% giá trị quyết toán của Hợp đồng trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày Bị đơn phê duyệt Hồ sơ quyết toán A-B. Tức là, Bị đơn có trách nhiệm hoàn thành thanh toán đến 95% giá quyết toán của Hợp đồng 185 trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày 20/12/2021.

Đồng thời, Bị đơn có trách nhiệm thanh toán đến 100% giá trị quyết toán của Hợp đồng sau khi kết thúc thời hạn bảo hành ngày 08/10/2022. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Hợp đồng 185, Bị đơn đã nhiều lần chậm thanh toán theo quy định của Hợp đồng 185.

Do đó, căn cứ theo khoản 14.3 Điều 14 Hợp đồng 185; Điều 306 Luật thương mại 2005 và Điều 357(1), Điều 468 BLDS 2015, do Bị đơn chậm thanh toán theo quy định của khoản 7.4 (Thanh toán định kỳ) và 7.5 (Quyết toán) Điều 7 Hợp đồng 185, nên Bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi theo lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm thanh toán. Theo đó, tổng số tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 22/07/2022 của Hợp đồng 185 là 18.901.054.000 đồng, bao gồm:

- Tiền lãi chậm thanh toán của các giá trị thanh toán định kỳ (các IPC 11, 12): 13.816.906.000 đồng, trong đó:

- Tiền lãi chậm thanh toán của IPC 11 = {68.128.634.000 đồng x 10%/năm x 106 ngày (Tính từ ngày đến hạn thanh toán -17/06/2020 đến ngày thanh toán thực tế số tiền 20.000.000.000 đồng -01/10/2020)} + {48.128.634.000 đồng x 10%/năm x 232 ngày (tính từ ngày đến hạn thanh toán -17/06/2020 đến ngày thanh toán thực tế

thêm số tiền 10.000.000.000 đồng -04/02/2021) + {38.128.634.000 đồng x 10%/năm x 304 ngày (Tính từ ngày đến hạn thanh toán -17/06/2020 đến ngày thanh toán thực tế thêm số tiền 10.000.000.000 đồng -17/04/2021)} + {28.128.634.000 đồng x 10%/năm x 359 ngày (tính từ ngày đến hạn thanh toán -17/06/2020 đến ngày thanh toán thực tế thêm số tiền 5.000.000.000 đồng -11/06/2021)} + {23.128.634.000 đồng x 10%/năm x 562 ngày (Tính từ ngày đến hạn thanh toán -17/06/2020 đến ngày thanh toán thực tế số tiền 10.000.000.000 đồng -31/12/2021)} + {13.128.634.000 đồng x 10%/năm x 765 ngày (Tính từ ngày đến hạn thanh toán -17/06/2020 tính đến ngày đạt thỏa thuận thanh toán- 22/7/2022)} = 6.832.440.000 đồng.

- Tiền lãi chậm thanh toán của IPC 12 = {39.699.562.000 đồng x 10%/năm x 597 ngày (Tính từ ngày đến hạn thanh toán -02/09/2020 đến ngày thanh toán thực tế số tiền 20.000.000.000 đồng -22/04/2022)} + {19.699.562.000 đồng x 10%/năm x 688 ngày (Tính từ ngày đến hạn thanh toán -02/09/2020 tính đến ngày đạt thỏa thuận thanh toán -22/7/2022)} = 6.984.466.000 đồng.

- Tiền lãi chậm thanh toán của giá trị thanh toán đến 95% giá trị công việc hoàn thành: 3.070.345.000 đồng. Chi tiết = 27.808.333.863 đồng x 10%/năm x 403 ngày (Tính từ ngày đến hạn thanh toán -14/06/2021 tính đến ngày đạt thỏa thuận thanh toán -22/7/2022 = 3.070.345.000 đồng.

- Tiền lãi chậm thanh toán của giá trị thanh toán đến 95% giá trị quyết toán là: 2.013.803.000 đồng. Chi tiết = 47.832.074.771 đồng x 10%/năm x 165 ngày (Tính từ ngày đến hạn thanh toán -07/02/2022 đến ngày đạt thỏa thuận thanh toán- 22/7/2022 = 2.013.803.000 đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần gửi công văn đề nghị Bị đơn thanh toán giá trị còn nợ của Hợp đồng 185, bao gồm tiền lãi chậm thanh toán. Tuy nhiên, đến nay Bị đơn vẫn không thanh toán nợ của Hợp đồng 185, cũng như không có bất cứ một văn bản phản hồi nào đối với việc thanh toán tiền nợ này.

Tại phiên tòa sơ thẩm Nguyên đơn rút yêu cầu đề nghị bị đơn thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán của giá trị thanh toán đến 95% giá trị quyết toán, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi đối với các khoản chậm thanh toán của đợt thanh toán số 11, đợt thanh toán số 12 và thanh toán đến 95% giá trị công việc hoàn thành, thời hạn tính lãi đến ngày 22/7/2022.

Về mức lãi suất: Nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn áp dụng đối với khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng nơi nguyên đơn mở tài khoản, cụ thể tiền lãi như sau:

Đối với đợt thanh toán số 11: Tổng tiền lãi chậm thanh toán của đợt thanh toán số 11 tính đến ngày 22/7/2022 là: 6.695.947.000 đồng.

Đối với hồ sơ thanh toán đợt 12: Tổng số tiền lãi chậm thanh toán của đợt thanh toán số 12 tính đến ngày 22/7/2022 là: 6.984.466.000 đồng.

Tính đến giai đoạn hoàn thành đến 95% giá trị công trình hoàn thành nghiệm thu là 27.808.333.863 đồng, số ngày chậm thanh toán tính đến ngày 22/7/2022 là 403 ngày, vậy số tiền chậm thanh toán là: 27.808.333.863 đồng x 10%/365 x 403 ngày = 3.070.345.000 đồng.

2. Đại diện theo uỷ quyền của Bị đơn trình bày:

Ngày 26/11/2018, Công ty Cổ phần Tập đoàn S và Công ty Cổ phần DV ký kết Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 185/2018/HĐ/SG-DV (Sau đây gọi tắt là

“Hợp đồng 185”) để thực hiện gói thầu “*Cung cấp và lắp đặt hệ thống điện, điện nhẹ, cấp thoát nước, điều hòa không khí và thông gió*” (“Gói thầu M&E”) cho Dự án “Nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại tại Lô I.A.2x, Khu đô thị N, phường Đ và phường X, quận BTL, TP Hà Nội” (Dự án S).

Quá trình thực hiện Hợp đồng 185, hai bên phát sinh tranh chấp nên tháng 5/2022, Công ty Cổ phần DV đã khởi kiện Công ty Cổ phần Tập đoàn S đến Tòa án nhân dân quận NTL. Tòa án đã thụ lý vụ án theo Thông báo thụ lý số 18/2022/TLST-KDTM ngày 05/5/2022 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng thi công xây dựng*”. Trong vụ án trên, Công ty Cổ phần DV yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn S thanh toán cho Công ty Cổ phần DV tiền nợ gốc và tiền lãi của Hợp đồng 185: Nợ gốc là 141.363.164.581 đồng (*Một trăm bốn mươi một tỷ, ba trăm sáu mươi ba triệu, một trăm sáu mươi tư nghìn, năm trăm tám mươi một đồng*); Số tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 22/7/2022 là: 18.901.054.000 đồng (*Mười tám tỷ, chín trăm linh một triệu, không trăm năm mươi bốn nghìn đồng*).

Do hai bên đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên ngày 01/8/2022, Tòa án nhân dân quận NTL ban hành Quyết định số 30/2022/QĐST-KDTM về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự (Sau đây gọi tắt là “*Quyết định 30/2022*”).

Theo quy định tại khoản 2 Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sau đây gọi tắt là “*BLTTDS 2015*”): “*Thẩm phán chỉ ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.*”

Theo đó, Quyết định trên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để giải quyết toàn bộ vụ án liên quan đến Hợp đồng 185:

(1) Công ty Cổ phần DV rút một phần yêu cầu khởi kiện là toàn bộ tiền lãi chậm thanh toán;

(2) Công ty Cổ phần DV và Công ty Cổ phần Tập đoàn S thống nhất xác nhận số tiền nợ gốc và lộ trình, phương thức thanh toán nợ gốc.

Như vậy, các vấn đề liên quan đến nợ gốc, lãi chậm thanh toán phát sinh từ Hợp đồng 185 đã được các đương sự thỏa thuận, thống nhất phương án giải quyết và được Tòa án ghi nhận tại Quyết định 30/2022. Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật và phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải nghiêm chỉnh chấp hành (Khoản 1 Điều 19 BLTTDS 2015).

Do vụ án đã được giải quyết bằng Quyết định 30/2022 của TAND quận NTL nên công ty Cổ phần DV không có quyền khởi kiện lại Công ty Cổ phần Tập đoàn S đến Tòa án liên quan đến thanh toán tiền lãi chậm thanh toán của Hợp đồng 185 là: 18.901.054.000 đồng (*Mười tám tỷ, chín trăm linh một triệu, không trăm năm mươi bốn nghìn đồng*).

Trong trường hợp này, căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 192 BLTTDS 2015 khi “*Sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc quyết định đã có hiệu lực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp vụ án mà Tòa án bác đơn yêu cầu ly hôn, yêu cầu thay đổi nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, ...*” thì Thẩm phán trả lại Đơn khởi kiện.

Công ty Cổ phần DV không có quyền khởi kiện lại vụ án. Điều 7 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao quy định người khởi kiện có quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án khi thuộc một trong các trường

hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS 2015 và các trường hợp khác mà pháp luật có quy định.

Theo khoản 3 Điều 192 BLTTDS 2015 quy định đương sự có quyền nộp đơn khởi kiện lại trong các trường hợp sau đây:

a) *Người khởi kiện đã có đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự;*

b) *Yêu cầu ly hôn, yêu cầu thay đổi nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, mức bồi thường thiệt hại, yêu cầu thay đổi người quản lý tài sản, thay đổi người quản lý di sản, thay đổi người giám hộ hoặc vụ án đòi tài sản, đòi tài sản cho thuê, cho mượn, đòi nhà, đòi quyền sử dụng đất cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ mà trước đó Tòa án chưa chấp nhận yêu cầu mà theo quy định của pháp luật được quyền khởi kiện lại;*

c) *Đã có đủ điều kiện khởi kiện;*

d) *Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.”*

Theo điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS 2015 quy định:

“c) *Người khởi kiện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện hoặc nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, trừ trường hợp họ đề nghị xét xử vắng mặt hoặc vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan;”*

Như vậy, việc Công ty Cổ phần DV khởi kiện lại để yêu cầu Công ty Cổ phần Tập đoàn S thanh toán tiền lãi chậm thanh toán vào tháng 12/2022 không thuộc một trong các trường hợp có quyền khởi kiện lại theo quy định tại khoản 3 Điều 192 và điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS 2015.

Công ty Cổ phần DV và Công ty Cổ phần Tập đoàn S đã xác nhận nợ gốc và lộ trình thanh toán mới theo Quyết định 30/2022:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 23/12/2022, Công ty Cổ phần DV căn cứ theo khoản 7.4 (Thanh toán định kỳ), khoản 7.5 (Quyết toán, thanh lý Hợp đồng) của Hợp đồng 185 cho rằng Công ty Cổ phần Tập đoàn S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và yêu cầu trả lãi chậm trả theo lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm thanh toán nợ gốc tính đến ngày 22/7/2022.

Tuy nhiên, theo Quyết định 30/2022, Công ty Cổ phần DV và Công ty Cổ phần Tập đoàn S thống nhất lộ trình thanh toán mới đối với số tiền nợ gốc của Hợp đồng 185 trong 06 đợt theo các mốc thời gian:

Ngày 29/7/2022, ngày 31/8/2022, ngày 30/9/2022, ngày 31/10/2022, ngày 30/11/2022, ngày 30/12/2022.

Quyết định 30/2022 thể hiện việc các đương sự đã thống nhất công nợ và các mốc thời gian mới, lộ trình thanh toán mới phát sinh từ Hợp đồng 185. Điều này cũng đồng nghĩa với việc Công ty Cổ phần DV chấp nhận gia hạn thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho Công ty cổ phần Tập đoàn S, thời điểm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc được xác định lại theo Quyết định 30/2022.

Như vậy, Công ty Cổ phần DV và Công ty Cổ phần Tập đoàn S đã thỏa thuận, xác lập các quyền và nghĩa vụ liên quan đến công nợ theo Hợp đồng 185 tại Quyết định 30/2022. Hai bên tự nguyện cam kết, thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và có hiệu lực thực hiện đối với hai bên kể từ ngày 01/8/2022 (Ngày ban hành Quyết định 30/2022).

Từ tất cả các căn cứ nêu trên cho thấy tiền lãi chậm thanh toán của Hợp đồng 185 đã được giải quyết theo thỏa thuận của hai bên và được Tòa án ghi nhận bằng Quyết định 30/2022 có hiệu lực pháp luật. Việc Công ty Cổ phần DV khởi kiện lại vụ án yêu cầu tính lãi chậm thanh toán theo Hợp đồng 185 là không có cơ sở và không đúng quy định pháp luật.

Bởi vậy, Công ty Cổ phần Tập đoàn S kính đề nghị Tòa án xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần DV và đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 và điểm c khoản 1 Điều 192 BLTTDS 2015.

** Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 62/2024/KDTM-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân quận NTL, thành phố Hà Nội đã xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần DV đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn S (Nay là Công ty Cổ phần phát triển Tập đoàn S) về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ lãi đối với các đợt thanh toán số 11, đợt thanh toán số 12 và thanh toán đến 95% giá trị công việc hoàn thành theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 185/2018/HĐ/SG-DV ngày 26/11/2018 giữa bên giao thầu là Công ty Cổ phần DV với bên nhận thầu là Công ty Cổ phần Tập đoàn S.

2. Đình chỉ yêu cầu thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán của giá trị thanh toán đến 95% giá trị quyết toán.

3. Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn S (Nay là Công ty Cổ phần phát triển Tập đoàn S) phải thanh toán cho Công ty Cổ phần DV các khoản tiền lãi đối với Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 185/2018/HĐ/SG-DV ngày 26/11/2018 tổng số tiền tính đến ngày 22/7/2022 là: 16.750.758.000 đồng (Mười sáu tỷ bảy trăm năm mươi triệu bảy trăm năm tám nghìn đồng), trong đó bao gồm:

- Tiền lãi chậm thanh toán của đợt thanh toán số 11 là: 6.695.947.000 đồng;
- Tiền lãi chậm thanh toán của đợt thanh toán số 12 là: 6.984.466.000 đồng;
- Tiền lãi thanh toán đến 95% giá trị công việc hoàn thành là: 3.070.345.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 62/2024 ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân quận NTL.

**** Tại Tòa án cấp phúc thẩm:***

- Bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được giải quyết bằng quyết định công nhận thỏa thuận đã có hiệu lực pháp luật. Mặt khác, tại Quyết định số 30/QĐST-KDTM ngày 01/8/2022 của Tòa án nhân dân quận NTL các bên đạt được thỏa thuận về lộ trình thanh toán tiền nợ gốc, như vậy được coi nguyên đơn đã gia hạn thời hạn thực hiện nghĩa vụ cho bị đơn, thời điểm thực hiện thanh toán nợ gốc được tính lại theo thỏa thuận tại Quyết định nêu trên, nguyên đơn không có quyền khởi kiện lại vụ án, bảng tính lãi của nguyên đơn không đảm bảo do nguyên đơn không chứng minh được và không có hồ sơ về việc đã bàn giao thành phần hồ sơ đầy đủ và thời gian bàn giao vào các ngày nguyên đơn nêu trong bảng tính lãi. Hồ sơ khởi kiện của nguyên đơn cũng không có chứng cứ về ngày bàn giao và thành phần hồ sơ thanh toán đầy đủ theo quy định. Nguyên đơn xác định ngày đến hạn thanh toán không đúng thỏa thuận tại Hợp đồng. Theo Điều 1, Điều 7 Hợp đồng 185, hai bên thỏa thuận cách tính ngày đến hạn thanh toán theo “Ngày làm việc” nhưng Bảng tính lãi của nguyên đơn lại xác định thời gian đến hạn thanh toán tính cả ngày nghỉ. Yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm thanh toán theo Hợp đồng 185 của nguyên đơn đã hết thời hiệu khởi kiện. Căn cứ theo Đơn khởi kiện, Nguyên đơn áp dụng Luật thương mại 2005 để giải quyết vụ án. Căn cứ theo Điều 319 Luật thương mại 2005, thời hiệu khởi kiện tranh chấp thương mại là 02 năm kể từ thời điểm quyền và lợi ích bị xâm phạm. Theo Bảng tổng hợp nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 22/7/2022, Hợp đồng 185 của nguyên đơn tự tính thể hiện đã hết thời hiệu khởi kiện thanh toán tiền lãi hồ sơ thanh toán đợt 11

và đợt 12, đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện, xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tại Tòa cấp sơ thẩm. Nguyên đơn xác định tính lại tiền lãi như sau:

Đối với đợt thanh toán số 11: Tổng tiền lãi chậm thanh toán của đợt thanh toán số 11 tính đến ngày 22/7/2022 là: 6.326.214.000đồng.

Đối với hồ sơ thanh toán đợt 12: Tổng số tiền lãi chậm thanh toán của đợt thanh toán số 12 tính đến ngày 22/7/2022 là: 6.979.069.000đồng.

Tính đến giai đoạn hoàn thành đến 95% giá trị công việc hoàn thành, hồ sơ thanh toán đến 95% tính đến ngày 22/7/2022 là 3.070.345.000 đồng

** Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:*

- Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được gửi đến Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn và đã đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ các Điều 272, 273 và 276 BLTTDS 2015, xác định kháng cáo của bị đơn hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 30/2022/QĐST-KDTM ngày 01/8/2022 của TAND quận NTL mới chỉ giải quyết yêu cầu thanh toán tiền gốc chưa giải quyết yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm thanh toán do vậy DV có quyền khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền lãi của Hợp đồng số 185. Kháng cáo của S cho rằng yêu cầu tính lãi đã được giải quyết và phải đình chỉ giải quyết vụ án là không là không có cơ sở chấp nhận.

DV yêu cầu thanh toán tiền lãi từ ngày S chậm thực hiện nghĩa vụ đến ngày 22/7/2022 (ngày các đương sự thỏa thuận được về nợ gốc theo hợp đồng) là có căn cứ theo quy định tại điều 43 Nghị định 37/2015 với mức lãi suất áp dụng là lãi suất quá hạn của Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam nơi bên nhận thầu mở tài khoản là đúng quy định. DV xuất trình Công văn ngày 08/8/2024 thông báo về lãi suất cho vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam cụ thể là vào thời điểm năm 2020 thì mức lãi suất là 7,65%/năm, năm 2021 là 13,5%/năm, năm 2022 là 12%/năm. Đối với lãi suất áp dụng các năm 2021, 2022 nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi mức lãi suất 10%/năm là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

+ Về thời điểm tính lãi: Tại phiên tòa phúc thẩm DV đã tính lại số tiền lãi giảm so với bản án sơ thẩm cụ thể như sau:

Đối với đợt thanh toán số 11: Tổng tiền lãi chậm thanh toán của đợt thanh toán số 11 tính đến ngày 22/7/2022 là: 6.326.214.000 đồng.

Đối với hồ sơ thanh toán đợt 12: Tổng số tiền lãi chậm thanh toán của đợt thanh toán số 12 tính đến ngày 22/7/2022 là: 6.979.069.000 đồng.

Tính đến giai đoạn hoàn thành đến 95% giá trị công trình hoàn thành nghiệm thu là 27.808.333.863 đồng, số ngày chậm thanh toán tính đến ngày 22/7/2022 là 403 ngày, vậy số tiền chậm thanh toán là: 27.808.333.863 đồng x 10%/365 x 403 ngày = 3.070.345.000 đồng.

Do DV đã tính lại số tiền lãi chậm thanh toán, tiền lãi giảm so với mức lãi yêu cầu tại cấp sơ thẩm nên cần sửa án. Căn cứ kháng cáo của Công ty Cổ phần Tập đoàn S không có cơ sở chấp nhận, tuy nhiên do sửa án sơ thẩm nên không phải chịu án phí

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân

thành phố Hà Nội căn khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần tập đoàn S, sửa bản án sơ thẩm về số tiền tính lãi theo số liệu tính lại của Công ty cổ phần dịch vụ và kỹ thuật cơ điện lạnh DV tại phiên tòa phúc thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần Tập đoàn S không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của Bị đơn được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh từ hợp đồng xây dựng nên là tranh chấp kinh doanh thương mại. Bị đơn là Công ty Cổ phần Tập đoàn S (Nay là Công ty Cổ phần phát triển Tập đoàn S); có địa chỉ tại: Tầng 9 C, số 16 D, phường E 2, quận NTL, thành phố Hà Nội; Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận NTL thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Về thời hiệu khởi kiện: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng xây dựng, theo luật xây dựng không quy định thời hiệu khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện trong vụ án được áp dụng theo quy định của bộ luật dân sự là 3 năm. Ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả lãi đối với nguyên đơn là ngày 17/6/2020, ngày bị đơn khởi kiện đến tòa án nhân dân quận NTL là ngày 23/12/2022 nên vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

[2] - Về nội dung kháng cáo:

Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 185/2018/HĐ/SG-DV ngày 26/11/2018 giữa nguyên đơn với bị đơn được đại diện hợp pháp các bên tham gia ký kết tự nguyện, đúng pháp luật. Các bên không có ý kiến gì về hợp đồng số 185 nên phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm ký kết.

2.1 *Xét ý kiến kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được giải quyết bằng quyết định công nhận thỏa thuận đã có hiệu lực pháp luật nên nguyên đơn không có quyền khởi kiện lại vụ án.* Hội đồng xét xử thấy: Quá trình thực hiện Hợp đồng 185, hai bên phát sinh tranh chấp nên tháng 5/2022, Nguyên đơn đã khởi kiện Bị đơn đến Tòa án nhân dân quận NTL yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn tiền nợ gốc và tiền lãi của Hợp đồng 185. Tòa án nhân dân quận NTL đã thụ lý vụ án về việc “*Tranh chấp Hợp đồng thi công xây dựng*”. Do hai bên (Nguyên đơn và Bị đơn) đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên ngày 01/8/2022, Tòa án nhân dân quận NTL ban hành Quyết định số 30/2022/QĐST-KDTM về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự với nội dung cơ bản được tóm tắt: “Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là toàn bộ tiền lãi chậm thanh toán của hợp đồng số 18/2018/ HĐ/ SG-DV ngày

26/11/2018 và yêu cầu số tiền nợ gốc tính đến ngày 22/7/2022 là 141.363.164.581đ; Nguyên đơn và Bị đơn thống nhất xác nhận số tiền nợ gốc và lộ trình, phương thức thanh toán nợ gốc. Nếu Nguyên đơn vi phạm bất kỳ lộ trình trả nợ theo thỏa thuận thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền buộc Bị đơn thi hành toàn bộ số nợ gốc mà Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Nguyên đơn....”

Như vậy trong Quyết định số 30/2022/QĐST-KDTM các bên đã thống nhất chỉ giải quyết yêu cầu đòi tiền nợ gốc, chưa giải quyết yêu cầu đòi tiền lãi nên cùng nhau thỏa thuận để nguyên đơn rút yêu cầu đòi tiền lãi chỉ giải quyết về số tiền nợ gốc bị đơn còn nợ.

Việc bị đơn cho rằng việc Nguyên đơn khởi kiện lại để yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán vào tháng 12/2022 không thuộc một trong các trường hợp có quyền khởi kiện lại theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 192, khoản 3 Điều 192 và điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS 2015 và Điều 7 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao. Hội đồng xét xử thấy các quy định về khởi kiện lại mà bị đơn viện dẫn chỉ trong trường hợp Tòa án đình chỉ vụ án. Xét quyết định 30/2022/QĐST-KDTM ngày 01/8/2022 không đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền lãi theo hợp đồng số 185, trong quyết định cũng không quy định miễn lãi cho bị đơn. Trước khi ban hành quyết định 30 bị đơn có quyền thay đổi ý kiến trong thời hạn 7 ngày nhưng bị đơn không có thay đổi gì. Sau khi quyết định số 30/2022/QĐST-KDTM ngày 01/8/2022 các đương sự cũng không thanh lý hợp đồng. Hơn nữa đơn đề nghị giám đốc thẩm quyết 30/2022/QĐST-KDTM ngày 01/8/2022 bị đơn có đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thông báo giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm trả lời là không có căn cứ để xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Do nguyên đơn đã rút yêu cầu đối với phần tiền lãi nên Tòa án chưa xem xét, giải quyết đối với yêu cầu này, nguyên đơn được quyền khởi kiện theo quy định. Ý kiến của bị đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

2.2 Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ lãi chậm thanh toán đối với Hợp đồng số 185 ngày 26/11/2018 đối với đợt thanh toán số 11 và đợt thanh toán số 12 và 95% giá trị phần công việc nguyên đơn hoàn thành, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo quy định tại Điều 7 Hợp đồng 185/2018/HĐ/SG-DV ngày 26/11/2018: “*Bị đơn có trách nhiệm thanh toán đến 70% giá trị vật tư, thiết bị trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể khi Bị đơn nghiệm thu thiết /vật tư tại chân công trình; bị đơn có trách nhiệm thanh toán đến 90% giá trị khối lượng lắp đặt trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày công việc được Bị đơn chấp thuận nghiệm thu; Bị đơn có trách nhiệm thanh toán đến 95% giá trị phần công việc nguyên đơn hoàn thành và được bị đơn chấp thuận nghiệm thu theo hồ sơ quyết toán từng hạng mục công việc trong vòng 10 ngày làm việc sau khi công việc được nghiệm thu bàn giao và bên a nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.*”

Căn cứ vào Bảng giá trị đề nghị thanh toán giai đoạn thanh toán khối lượng đợt 11 và đợt 12 đã được bên giao thầu và bên nhận thầu thống nhất giá trị khối lượng hoàn thành thanh toán. Phía nhận thầu (nguyên đơn) đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng đợt thanh toán thứ 11 ngày 05/6/2020 thì thời điểm tính lãi của đợt thanh toán thứ 11 là ngày 17/6/2020. Phía nhận thầu (nguyên đơn) đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng đợt thanh toán thứ 12 ngày 21/8/2020 thì thời điểm tính lãi của đợt thanh toán thứ 12 là ngày 02/9/2020. Ngày nghiệm thu cuối cùng là ngày 08/10/2020.

Về lãi xuất áp dụng: Xét Hợp đồng 185/2018/HĐ/SG-DV ngày 26/11/2018 không thỏa thuận về tiền lãi chậm thanh toán. Đây là tranh chấp hợp đồng xây dựng nên căn cứ nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng nơi nguyên đơn mở tài khoản. Nguyên đơn xuất trình Công văn ngày 08/8/2024 thông báo về lãi suất cho vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam cụ thể là vào thời điểm năm 2020 thì mức lãi suất là 7,65%/năm, năm 2021 là 13,5%/năm, năm 2022 là 12%/năm. Đối với lãi suất áp dụng các năm 2021, 2022 nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ, có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Đối với đợt thanh toán số 11: Căn cứ vào số tiền phải thanh toán là 68.128.634.000 đồng (85% của hóa đơn đã xuất), ngày trình hồ sơ hợp lệ là 05/6/2020, ngày đến hạn thanh toán là ngày 17/6/2020; Căn cứ vào các lần trả nợ gốc của bị đơn vào các ngày 01/10/2020 trả 20.000.000.000 đồng, ngày 04/2/2021 trả 10.000.000.000 đồng gốc, ngày 11/6/2021 trả 5.000.000.000 đồng, ngày 31/12/2021 trả 10.000.000.000 đồng. Do vậy nguyên đơn tính mốc thời gian tính lãi từ 17/6/2020 ngày 22/7/2022, số tiền lãi còn nợ chưa thanh toán là 6.326.214.000đ đồng là có căn cứ.

Đối với hồ sơ thanh toán đợt 12: Số tiền phải thanh toán là 39.699.562.000 đồng (85% của hóa đơn đã xuất), ngày trình hồ sơ hợp lệ ngày 21/8/2020 ngày đến hạn thanh toán là ngày 02/9/ 2020. Căn cứ vào các lần trả nợ gốc của bị đơn vào các ngày 22/4/2022 trả 20.000.000.000 đồng. Do vậy nguyên đơn tính mốc thời gian tính lãi từ 17/6/2020 ngày 22/7/2022, số tiền lãi còn nợ chưa thanh toán là 6.979.069.000đ đồng là có căn cứ.

Tính đến giai đoạn hoàn thành đến 95% giá trị công việc hoàn thành nghiệm thu (hồ sơ thanh toán đến 95%, ngày trình hồ sơ hợp lệ ngày 02/6/2021 ngày đến hạn thanh toán là ngày 14/6/ 2021. Do vậy nguyên đơn tính mốc thời gian tính lãi từ 17/6/2020 ngày 22/7/2022, số ngày chậm thanh toán tính đến ngày 22/7/2022 là 403 ngày số tiền lãi còn nợ chưa thanh toán là 3.070.345.000 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích trên hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Khoản 2 Điều 244 ; Điều 280; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 429 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ các điều 138, 139, 140, 141, 143, 144, 146, 147 Luật Xây dựng năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn S (Nay là Công ty Cổ phần phát triển Tập đoàn S);

2. Sửa bản án số 62/2024/KDTM-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân quận NTL, thành phố Hà Nội như sau:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần DV đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn S (Nay là Công ty Cổ phần phát triển Tập đoàn S) về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ lãi đối với các đợt thanh toán số 11, đợt thanh toán số 12 và thanh toán đến 95% giá trị công việc hoàn thành theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 185/2018/HĐ/SG-DV ngày 26/11/2018 giữa bên giao thầu là Công ty Cổ phần DV với bên nhận thầu là Công ty Cổ phần Tập đoàn S.

- Đình chỉ yêu cầu thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán của giá trị thanh toán đến 95% giá trị quyết toán.

- Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn S (Nay là Công ty cổ phần phát triển Tập đoàn S) phải thanh toán cho Công ty Cổ phần DV các khoản tiền lãi đối với Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 185/2018/HĐ/SG-DV ngày 26/11/2018 tổng số tiền tính đến ngày 22/7/2022 là: 16.375.628.000 đồng trong đó bao gồm:

- + Tiền lãi chậm thanh toán của đợt thanh toán số 11 là: 6.326.214.000 đồng;
- + Tiền lãi chậm thanh toán của đợt thanh toán số 12 là: 6.979.069.000 đồng;
- + Tiền lãi thanh toán đến 95% giá trị công việc hoàn thành là: 3.070.345.000 đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần Tập đoàn S (Nay là Công ty cổ phần phát triển Tập đoàn S) phải chịu $112.000.000 + 12.375.628 = 124.375.628$ đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Công ty Cổ phần DV số tiền 63.451.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0034955 ngày 28/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận NTL, TP. Hà Nội.

- Án phí phúc thẩm: Hoàn trả Công ty Cổ phần Tập đoàn S (Nay là Công ty cổ phần phát triển Tập đoàn S) số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm công ty đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự quận NTL theo biên lai số 0028006 ngày 12/9/2024.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 09/1/2025.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS quận NTL;
- TAND quận NTL;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tuyết Mai